

ĐỔI MỚI KINH TẾ VÀ ĐỔI MỚI CHÍNH TRỊ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Phạm Anh Hùng^(*)

*Đ*ổi mới kinh tế và đổi mới chính trị là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong hầu hết các văn kiện đại hội Đảng toàn quốc từ khi chuẩn bị cho công cuộc đổi mới đến nay. Tuy nhiên, mức độ, các vấn đề lựa chọn để đổi mới, thời gian, liều lượng,... tùy vào điều kiện kinh tế - xã hội ở những thời điểm khác nhau.

Hiện nay, trước những yêu cầu cấp bách của quá trình phát triển kinh tế thị trường (KTMT) định hướng XHCN và hội nhập WTO với tư cách là một thành viên đầy đủ, đã đặt nước ta trước những thách thức mới. Kiên trì con đường đổi mới, thông qua đổi mới kinh tế để lựa chọn đổi mới các vấn đề chính trị là bước đi phù hợp với lý luận về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị. Trong văn kiện Đại hội X, Đảng ta xác định, đổi mới kinh tế phải dựa trên 4 vấn đề cơ bản: (1) Phát triển kinh tế phải hướng đến mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”; (2) Phát triển KTMT phải đảm bảo được kinh tế nhà nước giữ vai

trò chủ đạo; (3) Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển; (4) Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Tuy nhiên, về chính trị, chúng ta vẫn đứng trước nhiều nguy cơ lớn như: sự chống phá của thế lực thù địch, diễn biến hòa bình, lệch hướng XHCN, sự thoái hóa, biến chất, quan liêu, tham nhũng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên... Những vấn đề này càng trở nên phức tạp hơn khi gia nhập WTO, chúng ta phải chấp nhận một cuộc chơi mà “luật lệ” của nó bắt buộc phải tuân theo. Đảng và Nhà nước lãnh đạo sự nghiệp phát triển đất nước theo định hướng XHCN thông qua chủ trương, chính sách và pháp luật. Nhưng bài toán khó nhất mà Đảng phải tìm lời giải ở trong chính trị là: định hướng XHCN cho nền KTMT sẽ phải làm những gì để phù hợp với thông lệ quốc tế trong WTO. Lời giải thỏa đáng cho bài toán này chỉ có thể có được khi phân tích thật thấu đáo về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị cả trong lý luận và thực tiễn. Đại hội X xác định, hoàn thiện các thể chế của KTMT là

^(*) Ths. KHXH-NV, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.

một trong ba mặt chủ yếu để hoàn thiện KTTT định hướng XHCN. Hoàn thiện các thể chế của KTTT chính là hoàn thiện sự đúng đắn, những ưu thế của nó trong quá trình chuẩn bị cơ sở vật chất cho sự ra đời và tồn tại của CNXH. Ngoài ra, hoàn thiện nền KTTT còn là điều kiện, là cơ hội để chúng ta tiếp tục các cuộc đàm phán trong vòng 12 năm tới đối với những quốc gia chưa công nhận Việt Nam là nước có nền KTTT. Về phương diện chính trị, hoàn thiện các thể chế KTTT là hoàn thiện tính cách mạng của nó so với kinh tế kế hoạch và hiện vật, đồng thời khẳng định sự thành công của Đảng trong quá trình hoạch định những chủ trương và đường lối phát triển kinh tế đất nước ở tầm chiến lược, vĩ mô. Trong xây dựng và phát triển kinh tế, Đảng và Nhà nước tập trung vào đổi mới kinh tế nhà nước, để thành phần kinh tế này thực sự đóng vai trò chủ đạo trong nền KTTT định hướng XHCN và có tư duy chính trị mềm dẻo, linh động đối với thành phần kinh tế tư nhân (KTTN) dưới sự quản lý của nhà nước XHCN. Cho đến nay, nền kinh tế nhiều thành phần, đa hình thức sở hữu, vận động theo cơ chế thị trường định hướng XHCN đang đặt ra nhiều vấn đề mới. Trước hết là việc phân chia các thành phần kinh tế. Trong văn kiện Đại hội X, tư duy về các thành phần kinh tế có sự thay đổi đáng kể. Thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân được gọi với một tên chung là thành phần KTTN. Sự thay đổi trong việc phân chia thành phần KTTN trong văn kiện Đại hội X cho thấy, Đảng ta

đã chú ý khi đánh giá thành phần kinh tế này bằng một tư duy chính trị mềm dẻo hơn. Trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, vận động và phát triển theo cơ chế thị trường định hướng XHCN thì KTTN (gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân) đóng vai trò quan trọng. Văn kiện Đại hội X đã đánh giá: “KTTN có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế”⁽¹⁾. KTTN góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của đất nước. Ngoài ra, thành phần kinh tế này đóng góp rất nhiều trong việc giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo. KTTN ở nước ta có những điểm đặc thù. KTTN bao gồm các thành phần kinh tế rất khác nhau, đôi khi có sự cách biệt rất lớn. Điều này cho thấy, đối với thành phần KTTN khi ban hành những chủ trương, chính sách để phát triển thì không nên dừng lại ở những chủ trương, chính sách chung mà cần có chính sách cụ thể cho mỗi đối tượng. KTTN vận động trong môi trường chính trị có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước XHCN, do vậy, bản thân sự phát triển của thành phần kinh tế này chính là sự phục vụ cho mục tiêu chính trị của Đảng. Hơn nữa, trong bối cảnh hiện nay, cần có tư duy chính trị mềm dẻo khi xác định các lực lượng tham gia, đảm bảo định hướng XHCN cho sự phát triển kinh tế. Việc đảng viên tham gia làm KTTN là vấn đề cần quan tâm, tạo điều kiện trong quá trình phát triển thành phần kinh tế này. Chúng ta thấy rõ được nguy cơ

⁽¹⁾ ĐCSVN, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Nxb. CTQG, HN. 2006, tr. 83.

mất định hướng chính trị do sự phát triển tự phát lên CNTB của thành phần KTTN. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, ở các nước tư bản phát triển, nhiều công ty, tập đoàn tư bản lớn đã đóng góp những khoản tiền lớn để thực hiện các hoạt động từ thiện, đóng góp thiết thực cho xã hội. Trong khi chúng ta chưa tìm được những con đường và cơ chế thích hợp để gắn động lực phát triển của thành phần KTTN với mục tiêu chính trị của Đảng, thì chủ trương cho đảng viên làm KTTN chính là cung cấp cho thành phần kinh tế này những tấm gương cụ thể “về sự tự giác” đi theo định hướng chính trị của giai cấp công nhân. Vì vậy, việc cho đảng viên làm KTTN sẽ giúp cho Đảng có điều kiện để tổng kết thực tiễn, hình thành tư duy chính trị đúng đắn đối với thành phần KTTN. Ngoài ra, cho đảng viên làm KTTN cũng nhằm mục tiêu khai phá những con đường đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam. Theo chúng tôi nên có nghị quyết riêng đối với thành phần kinh tế này. Điều đó sẽ có tác dụng rất lớn, tạo điều kiện cho doanh nhân yên tâm làm ăn trong môi trường chính trị do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Hơn nữa, việc chú ý đến thành phần kinh tế này cho thấy rõ quan điểm của Đảng ta về vị trí và vai trò của KTTN trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Kể từ khi chúng ta tiến hành đổi mới kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP lên xuống qua từng năm, không ổn định. Năm 1986 tốc độ tăng trưởng là 6,5%, năm 1987 chỉ còn 3,4% năm 1988 là 4,6%, năm 1989 giảm xuống mức

thấp nhất chỉ còn 2,7%. Tốc độ đã liên tiếp gia tăng với mức cao vào các năm 1990, 1991, 1992 và đạt 8,6% vào năm 1992. Năm 1993 tụt xuống còn 8,1% và tăng lên đỉnh điểm đạt 9,5% vào năm 1995. Khi so sánh với Trung Quốc, quốc gia có nền kinh tế chuyển đổi như Việt Nam với 1,3 tỷ dân, gần 70% dân số là nông dân, họ đã đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm xấp xỉ 9% trong suốt gần 20 năm của thập kỷ 80 và 90. Điều này cho thấy, Nhà nước rất khó khăn trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế và quản lý kinh tế. Đổi mới về chính trị chưa theo kịp sự phát triển kinh tế. Vấn đề này đã được chỉ ra trong nghị quyết Đại hội IX, cụ thể: cơ chế chính sách chưa đồng bộ, chưa tạo động lực cho sự phát triển, không sát với cuộc sống và thiếu tính khả thi, chưa bổ sung, thay đổi những cơ chế chính sách tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển, chính sách bị biến dạng qua các tầng lớp hành chính quan liêu...Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, trong Báo cáo chính trị trình Đại hội X Đảng ta còn nhận định: “...Một số vấn đề ở tầm quan điểm, chủ trương lớn chưa được làm rõ nên chưa đạt được sự thống nhất cao về nhận thức và thiếu dứt khoát trong hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành như các vấn đề: sở hữu và thành phần kinh tế; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế; đổi mới chính sách, cơ chế quản lý giáo dục, y tế, văn hóa; đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động của hệ thống chính trị”⁽¹⁾. Sự phát triển của

⁽¹⁾ Sđd, tr. 65-66.

kinh tế đang đặt ra vô số những vấn đề mới cho sự đổi mới của chính trị. Tuy nhiên, đổi mới chính trị không thể tiến hành một cách nóng vội, khi chưa có cơ sở lý luận và thực tiễn chắc chắn. Vì vậy, việc tìm ra được khâu đột phá, coi đó như là chiếc chìa khóa để mở ra cánh cửa đổi mới chính trị là vấn đề hết sức quan trọng hiện nay. Đối với nền KTTT, mỗi yêu cầu cải cách nền kinh tế đều liên quan đến hoạt động của hệ thống chính trị, liên quan lĩnh vực, thẩm quyền của những cơ quan chủ quản, những bộ chủ quản khác nhau. Do vậy, một mắt khâu quan trọng trong đổi mới chính trị là cải cách hành chính, sắp xếp lại bộ máy làm công tác lãnh đạo, quản lý về kinh tế trong chính phủ và trong Đảng. Giải pháp trước mắt được xác định trong văn kiện Đại hội IX là: thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào các hoạt động của thị trường và doanh nghiệp. Tách chức năng quản lý hành chính của nhà nước khỏi chức năng quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, xóa bỏ chế độ chủ quản; tách hệ thống cơ quan quản lý hành chính công khỏi hệ thống cơ quan sự nghiệp, phát triển mạnh các dịch vụ công cộng.

Trên thực tế, chúng ta đã có những chủ trương để đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị nhưng chưa mang tính đột phá. Nếu như nhà nước là trung tâm của hệ thống chính trị thì khâu đột phá để đổi mới toàn bộ hệ thống chính trị đương nhiên phải xuất phát từ Nhà nước. Giải pháp quan trọng được xác

định là đẩy mạnh hơn nữa quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân. Đối với Việt Nam, Nhà nước pháp quyền XHCN tạo điều kiện để các chủ thể sản xuất - kinh doanh có được quyền bình đẳng. Từ quyền bình đẳng trong sản xuất - kinh doanh sẽ dẫn đến đạt được quyền bình đẳng trong việc thực hiện nghĩa vụ đối với xã hội và được luật hóa. Pháp luật trong nhà nước pháp quyền sẽ góp phần khắc phục những khuyết tật của nền KTTT, đảm bảo được định hướng “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh” cho sự phát triển của nền kinh tế. Đổi mới hoạt động của nhà nước đối với nền kinh tế được tập trung theo bốn hướng cơ bản như sau: (1) Nhà nước đảm bảo cho tính đồng bộ và hoàn thiện của hệ thống chính sách pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh tế. Giải quyết dứt điểm cơ chế xin - cho và thủ tục hành chính rườm rà và không cần thiết liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; (2) Giải quyết tình trạng lợi dụng quyền quản lý của nhà nước, thanh tra, kiểm tra không có căn cứ và vô nguyên tắc ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp; (3) Tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các giao dịch kinh tế, thương mại giữa các thành phần kinh tế; (4) Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ cán bộ công chức làm việc tại các cơ quan có quan hệ với hoạt động kinh tế.

Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản là đảng cầm quyền. Do vậy, sự lãnh đạo của Đảng có vai trò quyết định đến sự hình thành, vận động và phát triển của

nền KTTT định hướng XHCN. Nhiều đợt vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng đã được thực hiện trong suốt 20 năm qua. Tuy nhiên, sự đổi mới và chỉnh đốn Đảng về chính trị chưa đáp ứng nhu cầu của sự phát triển kinh tế. Các quy định, các nghị quyết về lĩnh vực này cơ bản là đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn. Song, cần có sự đồng bộ trong việc thực hiện các nguyên tắc xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Để phê bình và tự phê bình có hiệu quả, cần gắn chặt vấn đề này với kiểm tra, kỷ luật, bảo vệ con người và việc thực hiện chế độ dân chủ trong Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ. Việc chống quan liêu, tham ô, tham nhũng trong Đảng cũng phải tuân theo nguyên tắc của sự đồng bộ. Trong điều kiện hiện nay, sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực kinh tế là thông qua những chủ trương, quan điểm, đường lối để chỉ đạo, định hướng cho Nhà nước điều hành, quản lý nền kinh tế. Tuy nhiên, sự phát triển của nền kinh tế đất nước, sự hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đang đứng trước những bước phát triển mới rất quan trọng. Điều này đòi hỏi Đảng phải tiếp tục bổ sung, phát triển, cụ thể cương lĩnh, đường lối chính trị, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Đảng cần tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu lý luận về kinh tế và quản lý kinh tế, chú trọng đến xây dựng dân chủ hóa trong kinh tế. Trong quản lý kinh tế, các chủ trương, chính sách của Đảng phải đảm bảo tính khái quát, tính chiến lược để đảm bảo sự ổn định của chủ trương và chính sách. Công tác lãnh đạo và quản lý lĩnh vực phát triển kinh

tế của Đảng không chỉ được thể hiện ở chủ trương, chính sách, mà Đảng còn lãnh đạo kinh tế thông qua công tác cán bộ. Để tránh tình trạng quan liêu, tham ô, tham nhũng của cán bộ làm công tác quản lý và điều hành kinh tế, trước hết phải phát huy vai trò của đảng viên. Sự gương mẫu, đạo đức của đảng viên có tác dụng nêu gương đối với những người ngoài đảng. Đạo đức của người cán bộ làm công tác quản lý hoạt động kinh tế phải được đánh giá cao ngang hàng với tài năng của họ. Ngoài ra, Đảng phải thường xuyên tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng trong các doanh nghiệp. Cần đẩy mạnh hướng nghiên cứu xây dựng những mô hình tổ chức đảng trong các doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp có vốn đầu tư với nước ngoài. Xác định chức năng và nhiệm vụ cơ bản của tổ chức đảng ở những thành phần kinh tế này. Về phía Đảng, cần đẩy mạnh việc ngăn chặn, đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, quan liêu, lãng phí và tham nhũng. Tình trạng này không chỉ làm giảm sút niềm tin mà nghiêm trọng hơn là làm suy yếu Đảng, khiến Đảng không còn đủ sức mạnh cần thiết đáp ứng sự phát triển khách quan của kinh tế.

Việc đổi mới và nhận thức ngày càng đúng hơn mô hình CNXH của Đảng đã tác động tích cực vào việc phát triển kinh tế của đất nước. Mô hình CNXH kiểu cũ tuy có nhiều khiếm khuyết và phải trả giá đắt nhưng không thể phủ nhận được những thành tựu mà

nó đạt được. Dưới chế độ XHCN, nhân dân các nước Đông Âu, Liên Xô và cả Việt Nam đã đạt được những thành tựu không thể phủ nhận. Việc thực hiện cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp là phù hợp với điều kiện đất nước còn chiến tranh, phù hợp với mô hình CNXH mà chúng ta đã đề ra. Đương nhiên, duy trì quá lâu mô hình này sẽ kìm hãm sự phát triển chung. Việc xác định mô hình CNXH, những đặc trưng cơ bản của mô hình đó có quan hệ chặt chẽ với sự phát triển của kinh tế. Sự thành công hay thất bại của việc xác định mô hình CNXH được biểu hiện trước hết ở sự phát triển của kinh tế, ở thành công của mô hình kinh tế được sử dụng để chuẩn bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho CNXH. Từ khi chúng ta tiến hành đổi mới, nền kinh tế đã có những tăng trưởng vượt bậc, sự đúng đắn của đường lối đổi mới kinh tế đã được chứng minh bằng thực tiễn. Sự ra đời của “Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH” đánh dấu bước phát triển mới cả về kinh tế và xã hội ở Việt Nam. Việc xác định những đặc trưng cơ bản của mô hình CNXH mà nhân dân ta xây dựng đã góp phần rất lớn vào việc định hướng cho sự phát triển kinh tế của đất nước, điều chỉnh sự phát triển kinh tế hướng đến thực hiện mô hình CNXH này. Tuy nhiên, sự phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường trong 20 năm qua đã đặt ra nhiều vấn đề mới. Sự phát triển nhanh chóng của các thành phần kinh tế ngoài nhà nước và sự đóng góp của những thành phần kinh tế này trong sự phát triển chung

của nền kinh tế đất nước ngày càng lớn. Sự lớn mạnh của KTTN đã đặt ra cho chúng ta bài toán mới trong việc xác định mô hình CNXH. Nếu lấy tiêu chí “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” là mục tiêu của CNXH thì sự phát triển của KTTN những năm qua đã chứng minh cho thấy nó phù hợp và đáp ứng được các yêu cầu: mọi sự phát triển phải xuất phát từ nhân dân, vì lợi ích của nhân dân; phát triển kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội. Vì vậy, có thể nói, CNXH là tiến bộ, là xã hội văn minh và dân chủ hơn thì không có lý do gì để nó không chấp nhận những cá nhân, những chủ thể có tài năng, đức độ vươn lên làm giàu và đóng góp cho xã hội. Đối với thành phần kinh tế được coi là hàng ngày, hàng giờ chứa đựng những khả năng tự phát đi lên CNTB, thì quan niệm về CNXH đúng đắn sẽ tạo điều kiện cho thành phần kinh tế này đi đúng định hướng và tạo thêm động lực cho nó phát triển trong nền kinh tế chung.

Trong khi thành phần KTTN phát triển mạnh mẽ, đóng góp nhiều cho đất nước và xã hội thì kinh tế nhà nước còn đang lúng túng, nhiều doanh nghiệp làm ăn thua lỗ. Một thực tế là tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước đồng thuận với việc chúng ta cải cách lĩnh vực KTTN, cải cách những chủ thể kinh tế nhà nước làm ăn không có hiệu quả. Trong mô hình về CNXH đã xác định, việc lấy kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo cần có những bổ sung và phát triển nhất định, nhất là những vấn đề liên quan đến sở hữu. Nếu như không

giữ được vị trí, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước thì không thể nói đến định hướng XHCN. Tuy nhiên, để thực hiện được yêu cầu này không đơn thuần chỉ là vấn đề kinh tế. Phải quan niệm như thế nào cho đúng về thành phần kinh tế, về sở hữu trong mô hình CNXH, trong sự chuẩn bị cơ sở vật chất cho CNXH? Đó là những vấn đề đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện. Bởi lẽ, chỉ có nhận thức đúng về những vấn đề này mới có khả năng nhận thức

đúng được về mô hình CNXH. Đây là một bài toán khó và liên quan đến nhiều vấn đề. Tuy nhiên, điều chúng tôi muốn khẳng định là, việc nhận thức lại, bổ sung và phát triển mô hình CNXH đã nêu ra trong “Chương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH” chắc chắn sẽ là một động lực để phát triển kinh tế và xây dựng nền KTTT định hướng XHCN một cách hoàn chỉnh.■

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ ... (tiếp trang 5)

Lịch sử xác lập thời đại TBCN cũng đã xác nhận điều đó. Từ các cuộc cách mạng tư sản sơ kỳ cho đến khi giai cấp tư sản xác lập được sự thống trị hoàn toàn ở các nước là cả một thời kỳ cách mạng và phản cách mạng đầy binh đao máu lửa. Và điều đó đã được C.Mác ghi nhận: “Xã hội tư sản có ít anh hùng mấy chăng nữa, thì để cho nó ra đời, cũng cần phải có chủ nghĩa anh hùng, lòng hy sinh, sự khùng bố, nội chiến, và những trận chiến đấu của các dân tộc”⁽¹⁾. Con đường sinh thành và thay thế của các thời đại trong lịch sử xã hội loài người là như thế.

Nếu suốt trong quá khứ đã không có một cuộc chuyển biến nào từ thời đại này sang thời đại khác hoàn toàn là một quá trình êm ả, thì thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH càng không thể là một quá trình êm ả. Sự sụp đổ một mảng lớn của hệ thống XHCN thế giới như vừa qua không hề phủ nhận con đường đi tới thắng lợi hoàn toàn của thời đại mới. Nó chỉ

biểu hiện cụ thể thời điểm đang phải trải qua của thời đại đó. Đúng như V.I.Lênin đã chỉ ra: “Trong mỗi thời đại đều có và sẽ có những phong trào cá biệt, cục bộ, khi tiến, khi lùi; đều có và sẽ có những thiên hướng khác nhau đi chệch ra khỏi phong trào chung và nhịp độ chung của phong trào”⁽²⁾. Nếu CNXH không phải là khuôn mẫu và bất hiện thực phải khuôn theo mà là phong trào hiện thực của giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức thì cũng chỉ có phong trào thực tiễn ấy mới trả lời được độ dài ngắn của thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH.

Những tư tưởng, những kinh nghiệm của Cách mạng tháng Mười Nga vẫn đủ sức soi sáng, cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình, tốc độ và kết quả của phong trào hiện thực đó.■

⁽¹⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen, Sđd, t. 8, tr. 147.

⁽²⁾ V.I.Lênin, Sđd, t. 26, tr. 174.